

Phụ lục I: Tổng hợp diện tích Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dự án Thủy điện Tràng Định 2

(Kèm theo Quyết định số: 1952/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên Dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Nguồn gốc diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác					Tổng diện tích rừng quyết định CMĐSDR	Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
					Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Ngoài quy hoạch		
					Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)	Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)	Rừng tự nhiên (ha)		
1	Thủy điện Tràng Định 2	Công ty Cổ phần Thủy điện Tân Việt Bắc Lạng Sơn	Các xã: Quốc Việt, Thụy Hùng, Kháng Chiến và Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn	212,77	0	0	1,91	2,14	0,69	4,74	<div>- Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng ngày 20/8/2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Tân Việt Bắc Lạng Sơn. - Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh Lạng Sơn về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. - Công văn số 67/CV-BĐH ngày 11/8/2025 của Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế dự án Thủy điện Tràng Định 2. - Báo cáo thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng rừng dự án Thủy điện Tràng Định 2; Bản đồ phạm vi ranh giới diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dự án SThủy điện Tràng Định 2, gồm 01 tờ bản đồ.</div>
Tổng cộng				212,77	0	0	1,91	2,14	0,69	4,74	

Phụ lục II: Danh sách các lô rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dự án Thủy điện Tràng Định 2

(Kèm theo Quyết định số: 1952/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
1	Quốc Việt	72_TD	18	4	0,22
2	Quốc Việt	72_TD	18	7	0,09
3	Quốc Việt	73_TD	8	2	0,07
4	Quốc Việt	73_TD	10	2	0,31
5	Quốc Việt	73_TD	11	1	0,22
6	Quốc Việt	73_TD	11	3	0,14
7	Quốc Việt	74a_TD	8	2	0,20
8	Quốc Việt	74b_TD	2	1	0,50
9	Quốc Việt	74b_TD	2	2	1,11
10	Quốc Việt	74b_TD	2	3	0,04
11	Quốc Việt	74b_TD	2	4	0,05
12	Quốc Việt	74b_TD	3	3	0,14
13	Quốc Việt	74b_TD	3	4	0,22
14	Quốc Việt	74b_TD	3	7	0,44
15	Quốc Việt	74b_TD	3	8	0,10
16	Quốc Việt	74b_TD	4	1	0,04
17	Quốc Việt	74b_TD	6	1	0,01
18	Quốc Việt	74b_TD	6	2	0,01
19	Quốc Việt	74b_TD	10	1	0,01
20	Quốc Việt	74b_TD	10	2	0,04
21	Quốc Việt	74b_TD	11	1	0,04
22	Quốc Việt	74b_TD	12	1	0,04
23	Quốc Việt	74b_TD	12	2	0,04
24	Quốc Việt	83_TD	1	3	0,02

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
25	Quốc Việt	83_TD	4	1	0,10
26	Quốc Việt	83_TD	4	3	0,17
27	Thụy Hùng	189_VL	5	1	0,04
28	Thụy Hùng	189_VL	6	1	0,04
29	Thụy Hùng	189_VL	6	2	0,01
30	Thụy Hùng	189_VL	6	3	0,04
31	Thụy Hùng	189_VL	9	1	0,04
32	Thụy Hùng	189_VL	10	1	0,01
33	Thụy Hùng	189_VL	10	2	0,04
34	Thụy Hùng	189_VL	10	3	0,04
35	Thụy Hùng	189_VL	18	1	0,04
36	Thụy Hùng	189_VL	18	2	0,01
37	Thụy Hùng	189_VL	22	1	0,01
38	Thụy Hùng	189_VL	22	3	0,01
39	Thụy Hùng	189_VL	22	4	0,04
Tổng diện tích rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác					4,74

Ghi chú: Địa danh, vị trí (Lô, khoảnh, tiểu khu), diện tích theo hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng và hồ sơ Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.